

Số: 139/BC-TTYT

Kiên Hải, ngày 10 tháng 11 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác Y tế năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC Y TẾ NĂM 2024

1. Công tác tham mưu chỉ đạo, tổ chức điều hành

Trong năm Trung tâm Y tế đã tham mưu Sở Y tế, Huyện ủy, UBND huyện triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ chuyên môn ngành, chương trình y tế quốc gia; phòng chống dịch bệnh và quản lý Nhà nước trong lĩnh vực y tế; Tham mưu Chỉ đạo các phòng chức năng tham mưu Ban Giám đốc triển khai thực hiện các văn bản cấp trên; tăng cường công tác tổ chức, các nhiệm vụ chuyên môn ngành, chương trình y tế quốc gia; Dân số, ATTP, phòng chống dịch bệnh và quản lý Nhà nước trong lĩnh vực y tế. Qua đó, đơn vị đã cụ thể hoá trên 1200 văn bản⁽¹⁾. Triển khai đánh giá Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã năm 2023 theo Quyết định số 1300/QĐ-BYT ngày 09/3/2023 về hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030; các tiêu chí y tế duy trì, thực hiện xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới; đánh giá chất lượng bệnh viện 6 tháng đầu năm, năm 2024; thực hiện giám sát, giao chỉ tiêu hoạt động chuyên môn, các chương trình cho các đơn vị; Kiểm tra, giám sát và tổ chức đánh giá kết quả hoạt động của ngành 6 tháng, 9 tháng; khảo sát nhu cầu sử dụng TTB-VTYT ở y tế cơ sở năm 2024; xây dựng hạ tầng cơ sở, đầu tư công...

Hệ thống Nhà nước Y tế huyện hiện có Trung tâm Y tế (4 phòng chức năng và 7 khoa chuyên môn) và 4 Trạm Y tế xã, 13 Tổ y tế ấp, 48 cộng tác viên Dân số; tổng số 55 giường, tỷ lệ giường bệnh/vạn dân đạt 30,5; công suất sử dụng giường bệnh là 2.1% đạt 70% KH; 4/4 xã có bác sĩ biên chế làm việc; 100% Trạm Y tế xã có Hộ sinh, YHCT, Dược sỹ. Biên chế hiện có: 106/138 biên chế giao⁽²⁾. Hệ thống tư nhân có 01 PK đa khoa; 02 Phòng khám Nha và 06 Quầy thuốc. Hiện nay, huyện có tỷ lệ 11,54 BS/VD, 3,9 DSDH/VD; 100% xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế giai đoạn đến 2030 theo Quyết định số 2232/QĐ-UBND của UBND tỉnh; 4/4 xã duy trì đạt tiêu chí y tế xây dựng xã NTM; 01 xã duy trì tiêu chí y tế xây dựng NTM nâng cao và hoàn chỉnh hồ sơ y tế đề nghị công nhận huyện NTM...

¹ Cụ thể: Công văn 241, Kế hoạch 175, Quyết định 246, Báo cáo 90, Thông báo 34, Tờ trình 102, Biên bản: 19; Giấy mời: 15.

² Trong đó: 88 biên chế; hợp đồng chuyên môn 16, hợp đồng theo Nghị định 111: 02. Trình độ chuyên môn: Trình độ chuyên môn: Sau đại học: 09 người; Đại học: 41 người; Trung cấp các loại: 52 người; Sơ cấp: 04 người. Trình độ lý luận chính trị: CC: 01 người; TC: 21 người; SC: 26 người. Đưa đi đào tạo các lớp ngắn, nghiệp vụ 59 lượt và dài hạn cho 6 lượt viên chức; ...

2. Kết quả đạt được của từng chương trình/dự án/đề án

(có bảng số liệu ước thực hiện năm chi tiết kèm theo)

2.1. Công tác khám, chữa bệnh:

Các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho Nhân dân; đảm bảo quyền lợi cho các đối tượng tham gia, hưởng BHYT. Tổng số lượt khám chữa bệnh ước thực hiện năm so Kế hoạch: 24.500 lượt đạt 82%KH, trong đó: Khám BHYT 16.252 lượt; Chuyển tuyến trên 4.422 lượt; Trẻ em <6 tuổi 607 lượt; Người cao tuổi >60 tuổi: 5.568 lượt; Điều trị nội trú: 148 lượt đạt 99%; công suất sử dụng GB 2,9 đạt 97%; Khám và điều trị YHCT: 3300 lượt đạt 110%; BA ngoại trú 170 lượt đạt 85%KH. Cận lâm sàng: Test đường 196 car, Test sàng lọc HIV 146 car; Test XSH 35 lượt; ECG 50 lượt; XQ 77 lượt; SA 161 lượt.

2.2. Công tác Chăm sóc Sức khoẻ sinh sản- Kế hoạch hoá gia đình

Triển khai đồng bộ từ huyện xuống xã các kế hoạch về chăm sóc sức khoẻ bà mẹ, trẻ em; kế hoạch hoá gia đình và chăm sóc sức khoẻ sinh sản. Kết quả tổng số áp dụng các biện pháp tránh thai: 1.864/1.302 lượt đạt 143%; Tổng số PN có thai: 345 người; số lượt khám thai: 440 lượt; số sanh tại cơ sở y tế: 190 đạt 80% KH; Tổng số khám phụ khoa: 1.970 lượt đạt 100%. Tổng số điều trị phụ khoa: 886 lượt đạt 100%.

2.3. Chương trình An toàn thực phẩm- Y tế công cộng và Dinh dưỡng

- Phối hợp Liên ngành huyện cùng địa phương xã thường xuyên quản lý, theo dõi thanh kiểm tra, giám sát theo quy định đảm bảo VSATTP tại cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống trên địa bàn huyện; qua kiểm tra 316 lượt/306 cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống có 300 lượt cơ sở bảo đảm vệ sinh ATTP; các cơ sở vi phạm cho ký cam kết. Trong năm qua, xảy ra 01 vụ mất an toàn thực phẩm trên địa bàn xã Hòn Tre gây ảnh hưởng sức khoẻ cho trên 23 học sinh; cơ sở vi phạm đã được đình chỉ hoạt động tạm thời, xử lý theo quy định. Xây dựng kế hoạch tăng cường triển khai tuyên truyền và tư vấn pháp chế về An toàn vệ sinh thực phẩm năm 2024 trên địa bàn 4/4 xã; lập sổ theo dõi sức khoẻ đảm bảo đủ điều kiện kinh doanh sản xuất thực phẩm...

- Thực hiện các quy định của Nhà nước về hướng dẫn các cơ sở y tế thực hiện tốt công tác thu gom, quản lý, xử lý chất thải y tế đúng theo quy định và báo cáo cơ quan quản lý môi trường. Đảm bảo công tác thông kê báo cáo tai nạn thương tích.

- Triển khai chiến dịch vi chất dinh dưỡng 4/4 xã; cho trẻ từ 0-5 tuổi, bà mẹ sau sinh được uống Vitamin A và cân, đo. Tỷ lệ suy dinh dưỡng hiện tại Cân nặng/Tuổi là 6,4% đạt 100% KH; Chiều cao/Tuổi là 7,7% đạt 100% KH. Các chỉ tiêu Y tế học đường được triển khai, giám sát chặt chẽ.

2.4. Công tác Dự phòng (Số liệu từ ngày 01/01/2024-31/10/2024)

- Triển khai Kế hoạch PC các bệnh dịch toàn diện trên địa bàn huyện; giám sát quản lý chặt chẽ không để dịch bệnh lây lan. Không phát hiện các SXH Degue nào trong thời gian qua phát hiện và xử lý kịp thời 2 ca TCM (HT và LS) giảm 15 ca so cùng kỳ, các dịch bệnh khác không ghi nhận trường hợp mắc; báo cáo về CDC tỉnh và hệ thống bệnh truyền nhiễm đầy đủ, đúng thời gian quy định.

- Thực hiện công tác tiêm chủng thường xuyên miễn dịch cơ bản cho trẻ em được 167/176 trẻ đạt 95%; Phụ nữ có thai được tiêm Uốn ván mũi 2: 158 người đạt 90%; số trẻ <1 tuổi được tiêm VgB sơ sinh được 149/176 trẻ đạt 85% KH.

- Các chương trình phòng chống bệnh không truyền nhiễm, truyền nhiễm và nguy hiểm khác được báo cáo, quản lý, giám sát chặt chẽ, cấp phát thuốc đúng thời gian, kịp thời cho bệnh nhân như HIV/AIDS, Lao, Phong, Tâm thần; các bệnh mạn tính Tăng huyết áp, Đái tháo đường được tập huấn, khám sàng lọc theo KH năm...

2.5. Công tác Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe

- Tham mưu xây dựng và triển khai các kế hoạch chuyên đề về Dân số- Truyền thông giáo dục năm 2024. Xây dựng kế hoạch liên tịch và ký hợp đồng trách nhiệm phối hợp thực hiện các hoạt động tuyên truyền về Dân số- TTGDSK năm 2024 với các ngành có liên quan như: Đài Truyền thanh, Hội Nông dân, Huyện đoàn, Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện. Hợp đồng với Đài truyền thanh huyện (mở chuyên mục Dân số- TTGDSK vào ngày thứ 7 hàng tuần với thời lượng 15 phút/lần phát.

- Tuyên truyền trực tiếp tại cộng đồng thông qua đội ngũ cộng tác viên dân số, chú trọng công tác thăm, tư vấn tại hộ gia đình và các nhóm nhỏ cho các đối tượng khó tiếp cận và địa bàn trọng điểm. Tăng cường tuyên truyền phòng, chống dịch bệnh Covid-19, sốt xuất huyết, Tay chân miệng, Bạch hầu, Sởi, Ho gà, Thủy đậu bệnh dại... và các bệnh liên quan mưa lũ (bệnh tiêu chảy cấp, đau mắt đỏ, bệnh ngoài da) trong các tháng cao điểm phòng, chống dịch năm 2024. Treo băng rol hưởng ứng các ngày Lễ, sự kiện ngành y tế; các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ Nhân dân các chỉ tiêu đạt từ 63-120% KH.

- Trẻ em mới sinh ra ước tính là: 92 trẻ (tăng 08 trẻ so với cùng kỳ), trong đó 45 trẻ là nữ (tăng 05 trẻ so với cùng kỳ), con thứ 3+ là 17 trẻ (-02 trẻ so với cùng kỳ). Trong đó có 07 trẻ do Bà mẹ mang thai từ nơi khác chuyển đến sinh tại địa phương). Tổng số người ước thực hiện các biện pháp tránh thai hiện đại là: 1.275/1.314 người đạt 97,1% KH.

2.6. Công tác Dược-Trang thiết bị-Vật tư y tế

Đảm bảo cung ứng thuốc BHYT, thuốc chương trình cho các đơn vị khám chữa bệnh cấp cứu, bệnh thông thường và điều trị Lao, Tâm thần; thực hiện thống kê, báo cáo công tác dược, vật tư y tế, quản lý sử dụng trang thiết bị y tế theo quy định; Duy trì, kiện toàn Hội đồng thuốc năm 2024 đảm bảo các Tổ hoạt động theo quy chế phân công và báo cáo Hội đồng định kỳ. Tham gia tập huấn, hỗ trợ SYT thẩm định thầu; đảm bảo đấu thầu thuốc, ánh xạ thuốc tại đơn vị theo quy định.

2.7. Công tác Nghiên cứu khoa học- Thi đua khen thưởng, kỷ luật.

- Công tác Nghiên cứu khoa học tại đơn vị luôn được quan tâm thực hiện; đơn vị đăng ký đề tài nghiên cứu khoa học năm 2024 có 05 đề tài đăng ký nghiên cứu khoa học năm 2024 đã được thông qua Hội đồng nghiên cứu Khoa học của Sở Y tế đang trong giai đoạn thu thập số liệu phân tích đánh giá.

- Tổ chức Hội nghị CBCNVCLĐ năm 2024 và ký kết giao ước, đăng ký thi

đua giữa các đơn vị, cá nhân viên chức đơn vị thuộc Trung tâm. Trong năm 2024 đơn vị đề nghị khen thưởng 1 cá nhân; không có trường hợp kỷ luật.

2.8. Công tác quản lý tài chính

Triển khai kế hoạch thực hành tiết kiệm, phòng chống tham nhũng lãng phí, báo cáo theo quy định. Đơn vị thực hiện Quyết định quyền tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập ngay từ đầu năm về chế độ lương, phụ cấp, kinh phí hoạt động; Tổng chi 9 tháng đầu năm 12,610 tỷ, tồn 4,443 tỷ. Đến nay, chưa có văn bản hướng dẫn định mức chi các chương trình Y tế quốc gia, Dân số- Kế hoạch hóa gia đình; NSNN cấp kinh phí theo định mức thời kỳ ổn định giai đoạn 2021-2025..

2.9. Ứng dụng công nghệ thông tin

Tiếp tục nâng cấp, triển khai các phần mềm quản lý khám, chữa bệnh và thanh toán BHYT; Thực hiện tiếp nhận khám bệnh bằng thẻ CCCD có gắn chip và thực hiện liên thông dữ liệu giấy chứng sinh và giấy báo tử; Đồng thời triển khai khám, chữa bệnh triển khai kê đơn thuốc điện tử; chữ ký số; triển khai hóa đơn điện tử. Tổ chức quản lý sức khỏe điện tử người dân; sổ khám chữa bệnh điện tử và khám chữa bệnh từ xa qua các ứng dụng và phần mềm VNPT-His...

3. Nhận xét đánh giá

3.1. Ưu điểm

- Được sự quan tâm đầu tư, tạo điều kiện phát triển y tế biển đảo của cấp Ủy, chính quyền các cấp; Sở Y tế; các chương trình, dự án Chính phủ... được đầu tư xây dựng, sửa chữa cơ sở vật chất tại các Trạm Y tế xã, bổ sung thêm các trang thiết bị cận lâm sàng phục vụ cho công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân ngày càng tốt hơn.

- Y tế cơ sở được củng cố nhân lực, tăng cường đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; phối hợp cùng các ban ngành, đoàn thể địa phương đã nâng cao dần chất lượng và hiệu quả về phục vụ khám chữa bệnh, tăng cường hoạt động phòng chống các loại dịch bệnh, kiểm soát và khống chế các dịch bệnh nguy hiểm trên địa bàn trong thời gian qua.

- Hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của người dân đối với chăm sóc sức khỏe trong thời gian qua trên mọi mặt truyền thông đã tích cực góp phần nâng cao sức khỏe cá nhân, gia đình và cộng đồng, chất lượng cuộc sống hướng tới sự hài lòng người dân tại các cơ sở y tế.

3.2. Hạn chế và nguyên nhân

- Nhìn chung, các đơn vị còn thiếu về nguồn nhân lực, ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng công việc đạt hiệu quả chưa cao do công tác tuyển dụng còn thiếu so với nhu cầu sử dụng đơn vị và nhu cầu hợp đồng còn chờ SYT hướng dẫn thực hiện.

- Một số nội dung trong nhóm chỉ tiêu các chương trình mục tiêu đề ra như khám bệnh, điều trị nội trú còn thấp do thông tuyến BHYT, thu thập số liệu chưa đảm bảo. Nha học đường trong thời gian nghỉ hè và kế hoạch triển khai sau khi khai giảng. An toàn thực phẩm test nhanh thấp do tập trung các đợt cao điểm mùa Lễ hội trên địa bàn.

- Áp dụng tiêu chuẩn đánh giá chuẩn quốc gia về y tế xã theo Quyết định mới 1300/QĐ-BYT chưa thật sự phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội, cơ sở hạ tầng xã đảo; triển khai thực hiện một số chỉ tiêu y tế xây dựng NTM theo Quyết định xây dựng tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 của Bộ, Tỉnh còn khó khăn trong triển khai chưa đồng bộ, cơ sở hạ tầng, TTB đầu tư còn chậm cho ứng dụng công nghệ thông tin trong khám chữa bệnh.

- Trong thực hiện nhiệm vụ ngày càng phát sinh thêm, giá cả các mặt hàng đều tăng cao ảnh hưởng đến kinh phí hoạt động; nguồn thu sự nghiệp của đơn vị hạn chế (thu trực tiếp từ bệnh nhân 9 tháng đầu năm khoảng 35tr); năm 2024 Sở Y tế giao kinh phí hoạt động Khám chữa bệnh 240tr, TYT xã 238,5tr; mỗi TYT giao 60tr/trạm/năm, trung bình khoảng 5tr/tháng.

3.3. Khó khăn vướng mắc

Công tác hỗ trợ chỉ đạo tuyên; khám chữa bệnh từ xa triển khai chưa đồng bộ; chuyển bệnh gặp nhiều khó khăn trong mùa đông bão. Công tác tuyển dụng nhân sự theo đề án một số vị trí tại Trung tâm và các cơ sở y tế còn thiếu nhiều so với nhu cầu tuyển dụng dẫn tới hệ thống, bộ máy y tế chưa hoàn thiện, khó khăn trong công tác triển khai, vận hành. Chính sách đãi ngộ còn hạn chế, phụ cấp tiền lương còn thấp. Chưa có quy định đặc thù về phân cấp xếp hạng Trung tâm Y tế huyện vùng biên giới, hải đảo. Chưa có cơ chế cho huyện đảo đặc thù thực hiện Đề án tổ chức đơn vị sự nghiệp và vị trí việc làm phù hợp với tình hình kinh tế xã hội địa phương. Một số cơ sở hạ tầng xuống cấp, trang thiết bị y tế hư hỏng thiếu nguồn kinh phí nâng cấp, sửa chữa, bảo hành, thay thế... ảnh hưởng đến công tác khám, điều trị bệnh và xây dựng tiêu chí chuẩn quốc gia về y tế xã; nông thôn mới. Hiện tại đến tháng 9/2024 kinh phí hoạt động của Khám chữa bệnh và TYT xã không đảm bảo. TTYT đã trình SYT, STC cấp bổ sung. Chưa có hướng dẫn cụ thể về sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình Mục tiêu Y tế- Dân số; Các hướng dẫn thực hiện ứng dụng CNTT phục vụ cho đánh giá tiêu chí NTM, NTMNC chưa đồng nhất, triển khai còn chậm.

II. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2025

1. Tiếp tục kiện toàn công tác quy hoạch, nhân sự ngành, ổn định tổ chức; đảm bảo các chế độ chính sách CCVC và người lao động. Tăng cường đào tạo nhân lực chuyên môn tương xứng định hướng phát triển ngành y tế địa phương.

2. Ứng dụng nhanh chóng các công nghệ thông tin nâng cao chất lượng hoạt động khám chữa bệnh phù hợp tại đơn vị; quản lý chặt chẽ, ứng dụng có hiệu quả các phần mềm trong KCB. Thực hiện Đề án Chuyển đổi số đối với ngành Y tế đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

3. Bám sát các chương trình, chỉ tiêu kế hoạch của ngành triển khai thực hiện. Tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát, hỗ trợ chuyên môn; công tác phòng chống dịch; các chương trình mục tiêu y tế quốc gia. Tăng cường hoạt động KCB BHYT bằng Y học cổ truyền kết hợp y học hiện đại và phục hồi chức năng cộng đồng.

4. Phối hợp liên ngành huyện thực hiện công tác thanh kiểm tra, giám sát chặt chẽ hoạt động quản lý Nhà nước công tác hành nghề y, dược, mỹ phẩm; An toàn

thực phẩm trên địa bàn. Không để xảy ra ngộ độc trên địa bàn huyện.

5. Duy trì thực hiện, đánh giá Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã; xã nông thôn mới; nông thôn mới nâng cao; tiến tới thực hiện Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới năm 2025.

6. Đảm bảo công tác đấu thầu thuốc, vật tư, thiết bị; dự trữ, cung ứng đầy đủ thuốc, vật tư y tế cho công tác khám chữa bệnh, phòng chống dịch trên toàn huyện; Quản lý chặt chẽ công tác nhận, bảo quản và cung ứng thuốc, vắc xin, thuốc chương trình Tâm thần, Lao...

7. Tăng cường truyền thông, giáo dục sức khỏe trong phòng, chống dịch bệnh, các chính sách xã hội ngành y tế; Các chương trình, kế hoạch, Đề án liên quan phát triển ngành y tế biển đảo...

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với Sở Y tế

Tham mưu HĐND-UBND tỉnh phê duyệt Đề án sắp xếp lại Trung tâm Y tế huyện; phê duyệt số lượng hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện các cơ chế, chính sách đặc thù đối với y tế biển đảo; hỗ trợ kinh phí thực hiện chương trình Mục tiêu Y tế- dân số các quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp. Tiếp tục hướng dẫn đơn vị thực hiện đào tạo nguồn nhân lực ngắn hạn cận lâm sàng, định hướng chuyên khoa...

2. Đối với UBND huyện

Theo dõi, chỉ đạo cơ quan, ban ngành, địa phương sâu sát các nội dung thực hiện ngành y tế về phát triển kinh tế- xã hội Huyện theo kế hoạch, Nghị quyết HĐND-UBND huyện; công tác phòng chống dịch bệnh và các chỉ tiêu xây dựng NTM nâng cao. Hỗ trợ kinh phí phòng chống dịch và lắp đặt mới hệ thống xử lý nước thải tại Trung tâm Y tế huyện phục vụ xây dựng huyện NTM...

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện công tác năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025. Đề nghị lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc Trung tâm Y tế căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tham mưu, tổ chức triển khai, thực hiện.

Nơi nhận:

- PKHTC. Sở Y tế;
- VP. Huyện ủy;
- BTG Huyện ủy;
- VP. HĐND-UBND huyện;
- Chi cục thống kê Kiên Hải;
- GD và các PGD TTYT; VPĐU Y tế;
- Khoa/Phòng/TYT xã;
- Trang TTĐT TTYT;
- Lưu VT, KHN&ĐD.

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Cẩn

BẢNG SỐ LIỆU

Tình hình hoạt động một số chương trình y tế ước thực hiện năm 2024 và đề xuất chỉ tiêu năm 2025

CHƯƠNG TRÌNH Y TẾ	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024				Năm 2025
		Thực hiện năm 2023	Kế hoạch	Ước thực hiện năm 2024	Tỷ lệ so với cùng kỳ (%)	Tỷ lệ so với kế hoạch (%)	Đề xuất chỉ tiêu năm 2025
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=5/3)	(7=5/4)	(8)
I-CÙNG CÓ Y TẾ CƠ SỞ							
Dân số huyện	Người	18018	18116	18250	101%	99%	18489
Số xã có Trạm y tế	Xã	4	4	4	100%	100%	4
- Số trạm y tế xã	Trạm	4	4	4	100%	100%	4
Trạm y tế đạt chuẩn quốc gia	%	4	4	4	100%	100%	4
Trung tâm y tế huyện	BV	1	1	1	100%	100%	1
Giường bệnh / vạ dân (Không có TYT)	GB/VD	30,58	30,35	30,13	100%	102%	29,75
TS cán bộ y tế	Người	110	126	104	95%	83%	138
Cán bộ y tế / vạ dân	CB/VD	62,85	69,55	56,99	100%	91%	74,6
Bác sĩ hiện có	Người	20	19	21	105%	111%	21
Bác sĩ/ vạ dân	BS/VD	11,10	10,49	11,51	111%	97%	11,36
II. Phòng Dân số - Truyền thông giáo dục sức khỏe							
1, Dân số							
Tỷ lệ sinh	%	8,8	9,2	9,5	108%	103%	10,5
Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	7,2	7	7	97%	100%	7,5
1. Kế hoạch hoá gia đình							
TS người áp dụng các BPTT mới	Người	1,360	1.314	1.359	99926%	103%	1216
TD: - Đặt vòng	Người	305	350	306	100%	87%	250
- Uống thuốc TT	Người	484	422	493	102%	117%	437
- Thuốc tiêm TT	Người	89	100	79	89%	79%	79
- Bao cao su	Người	481	440	479	100%	109%	449
- Thuốc cấy	người	1	2	2	200%	100%	1
2. Công tác TTGDSK							
Số tin, bài trên phát thanh loa huyện	Tin, bài	30	30	30	100%	100%	30
TT-GDSK tại cụm dân cư	Lần	23	50	50	217%	100%	40
Số lượt tư vấn	Lần	3.092	3.000	3.813	123%	127%	3000
Số lần thăm hộ gia đình	Lần	2.585	400	523	20%	131%	400
Số tin bài, ảnh đăng gửi trên SKKG	Tin, bài	8	8	8	100%	100%	8
III. Khoa chăm sóc sức khỏe sinh sản							
1. Kế hoạch hóa gia đình thực hiện tại cơ sở y tế							
Đặt vòng	Lượt	251	250	393	157%	157%	200
Thuốc uống	Lượt	511	500	743	145%	149%	400
Bao cao su	Lượt	540	500	722	134%	144%	400
Thuốc tiêm TT	Lượt	101	50	120	119%	240%	40
2. Bảo vệ bà mẹ							
Số phụ nữ được đỡ đẻ trong năm	Người	198	238	178	90%	75%	150

CHƯƠNG TRÌNH Y TẾ	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024				Năm 2025
		Thực hiện năm 2023	Kế hoạch	Ước thực hiện năm 2024	Tỷ lệ so với cùng kỳ (%)	Tỷ lệ so với kế hoạch (%)	Đề xuất chỉ tiêu năm 2025
Số lần khám phụ khoa	Lần	2198	1970	1970	90%	100%	1500
Số phụ nữ điều trị phụ khoa	Người	1195	886	916	77%	103%	700
Số đẻ được khám thai >4 lần/kỳ	Người	198	231	178	90%	77%	140
Số đẻ được quản lý thai	Người	198	238	178	90%	75%	150
IV. Khoa Y tế công cộng - ATTP & DD							
1. Chương trình Vitamin A							
Số xã triển khai	Xã	4	4	4	100%	100%	4
TE 6-36 tháng uống Vit. A	TE	750	750	736	98%	98%	710
Số PN sanh trong tháng được uống Vitamin A	Người	35	100	78	223%	78%	60
2. Chương trình Nha học đường							
Số HS tiểu học được GDSK-RM 4 tiết/năm	lượtHS	4	200	292	7300%	146%	200
Số HS được súc miệng bằng NaF 2%	HS	4	4		0%	0%	3
Số HS mẫu giáo được GD chải răng	HS	330	100	517	157%	517%	100
Chải răng cho HS tiểu học	HS	0	0	0	0%	0%	0
3. Chương trình PC SDD							
TE <5 tuổi được cân, đo	TE	1,266	1,266	1,266	100%	100%	1,125
Tỷ lệ suy dinh dưỡng Cân nặng/Tuổi	%	6,6	6,4	6,4	103%	100%	6,2
Tỷ lệ suy dinh dưỡng Chiều cao/Tuổi	%	7,9	7,7	7,7	103%	100%	7,5
4. Chương trình VSMT							
Kiểm tra, giám sát cơ sở y tế có công trình cấp nước và nhà tiêu hợp vệ sinh	Cơ sở	4	4	4	100%	100%	4
Kiểm tra, giám sát về quản lý chất thải y tế	Cơ sở	4	4	4	100%	100%	4
Thực hiện ngoại kiểm đối với các đơn vị cấp nước	Cơ sở	2	2	2	100%	100%	2
Kiểm tra, giám sát vệ sinh môi trường cơ sở sản xuất	Cơ sở	5	4	5	100%	125%	4
Kiểm tra, giám sát nhà tiêu hộ gia đình trên địa bàn hiện có	Hộ GD	291	250	259	89%	104%	250
5. Chương trình YTTH							
Số trường được kiểm tra, giám sát các nội dung công tác y tế trường học	Trường	1	5	6	33%	120%	6
Số trường được hướng dẫn về công tác kiểm tra sức khoẻ định kỳ cho học sinh.	Trường	2	6	6	200%	100%	6
6. Chương trình Vệ sinh An toàn Thực phẩm							
- Số lượt thanh, kiểm tra	Lượt	515	400	410	80%	103%	500
- Test nhanh	HS	30	30	30	100%	100%	30
- Lấy mẫu xét nghiệm	Mẫu	27	25	26	96%	104%	25
Giấy CN CSDDK ATTP	Cơ sở	38	5	12	32%	240%	5
Số ca ngộ độc thực phẩm	Cas	0	<6	23	2300%	383%	<06
V. DỊCH VỤ KHÁM CHỮA BỆNH							
TS cơ sở điều trị	Cơ sở	4	4	4	100%	100%	4
TS giường bệnh:	GB	55	55	55	100%	100%	55
Trung tâm Y tế huyện	GB	55	55	55	100%	100%	55
TS lượt khám bệnh	Lượt	27.961	30000	24.500	88%	82%	25000

CHƯƠNG TRÌNH Y TẾ	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024				Năm 2025
		Thực hiện năm 2023	Kế hoạch	Ước thực hiện năm 2024	Tỷ lệ so với cùng kỳ (%)	Tỷ lệ so với kế hoạch (%)	Đề xuất chỉ tiêu năm 2025
TS bệnh nhân điều trị nội trú	Người	134	150	148	110%	99%	150
Ngày điều trị bình quân 1 BN nội trú	Ngày	5	4	4	80%	100%	4
Tỷ lệ bệnh nhân khỏi, đỡ, giảm	%	93%	70	95%	102%	1%	70
Công suất sử dụng giường bệnh	%	3	3	2,9	97%	73%	3
Khám và điều trị YHCT	lượt	5190	3000	3300	64%	110%	3000
Trong đó BS ngoại trú YHCT	Lượt	220	200	170	77%	88%	150
VI. Khoa Kiểm soát bệnh tật - HIV/AIDS							
1. Chương trình Phòng chống Sốt rét							
Tầm mùng bằng hóa chất	Người	100	1000	872	hơn 77%	87%	300
Số lam xét nghiệm	lam	240	250	322	hơn 11%	129%	300
Điều trị dự phòng	lượt	0	0	0	0%	0%	0
2. Phòng chống Lao							
Số BN phát hiện mới	Người	29	29	30	103%	103%	29
Số BN quản lý	Người	59	58	67	114%	116%	67
3. Phòng chống Phong							
Số BN phát hiện mới	Người	0	0	0	100%	100%	0
Số BN quản lý điều trị	Người	2	2	2	100%	100%	2
4. Sức khỏe tâm thần:							
Tổng số lượt người khám	lượt	300	280	280	93%	100%	280
Số BN phát hiện mới	Người	1	2	2	100%	100%	2
Số BN quản lý	Người	38	38	38	100%	100%	38
TD: TT phân liệt	Người	17	17	17	100%	100%	17
Động kinh	Người	21	21	21	100%	100%	21
5. Phòng chống HIV/AIDS							
Số mẫu xét nghiệm HIV thực hiện tại cơ sở y tế	Test	207	150	46	22%	60%	200
Số người nhiễm mới	Người	0	5	3	tăng 03 ca	60%	1
Tỷ lệ phụ nữ mang thai có HIV dương tính được điều trị dự phòng lây từ mẹ sang con	%	0	95	0	100%	100%	0
Số tử vong tích lũy	Người	28	28	28	100%	100%	28
Tỷ lệ trẻ đẻ ra sống từ mẹ nhiễm HIV được điều trị dự phòng ARV	%	73	100	100	137%	100%	80
Tỷ lệ người nhiễm HIV mắc Lao được điều trị đồng thời Lao và ARV	Người	28	90	90	321%	100%	28
6. Quản lý và điều trị bệnh không lây nhiễm							
<i>*Bệnh Đái tháo đường:</i>							
- Số người được khám sàng lọc tại cộng đồng:	Người	420	630	800	258%	127%	630
-Số bệnh nhân được quản lý điều trị:	Người	133	134	386	170%	288%	120
-Tu vấn cho người tiền đái tháo đường	Buổi	8	8	8	100%	100%	8
<i>*Bệnh Tăng huyết áp:</i>							
-Phát hiện BN qua khám sàng lọc tại cộng đồng:	Người	460	120	200	43%	167%	120
-Số bệnh nhân được quản lý và điều trị:	Người	338	460	548	162%	119%	460

CHƯƠNG TRÌNH Y TẾ	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024				Năm 2025
		Thực hiện năm 2023	Kế hoạch	Ước thực hiện năm 2024	Tỷ lệ so với cùng kỳ (%)	Tỷ lệ so với kế hoạch (%)	Đề xuất chỉ tiêu năm 2025
- Duy trì mô hình quản lý BN tại trạm y tế:	<i>Cơ sở</i>	4	4	4	100%	100%	4
7. Chương trình TCMR - LTUVSS							
Số trẻ < 1 tuổi được MDĐĐ 6 loại vaccin	<i>TE</i>	170	176	182	107%	103%	176
PN có thai được tiêm UV2 mũi 2	<i>Người</i>	173	176	176	102%	100%	176
Viêm gan B sơ sinh	<i>Người</i>	160	176	141	88%	80%	176